

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2023/DSST**.

Ngày: 12/12/2023

V/v “tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Sang**.

2/ Ông **Phạm Văn Vĩ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2023/TLST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2023. Về tranh chấp “**Hợp đồng vay tài sản**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐST - DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp P N, xã Đ P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: ông **Trần Đình Khả**, sinh năm 1959

Địa chỉ: số 38/2A1, đường M T, phường A H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (Giấy ủy quyền ngày 23/9/2023). Có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương L**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 148F, Khu vực T T, phường P T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 và Biên bản hòa giải ngày 15/11/2023 **nguyên đơn trình bày:**

Ngày 21/9/2018, ông Võ Văn M có cho bà Nguyễn Thị Phương L vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Thời gian vay 02 (hai) năm, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018, công chứng

số 2687, quyền số 09/2018/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Tây Nam. Bà L có thể chấp cho ông M bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/07/2012 được ký giữa bà Nguyễn Lê Thủy Tiên và Nguyễn Thị Phương L (không có công chứng) để bảo đảm cho khoản vay. Sau đó bà L tiếp tục vay thêm 03 lần có viết biên nhận riêng mỗi lần, cụ thể:

- Ngày 21/11/2018 vay thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Ngày 21/01/2019 vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
- Ngày 06/10/2019 vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tổng cộng các lần vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Trước tháng 12/2022, bà Nguyễn Thị Phương L có trả cho ông Võ Văn M số tiền gốc 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), riêng tiền lãi bà L trả không đầy đủ. Khi hòa giải tại khu vực Thạnh Thắng, phường Phú Thứ, thấy hoàn cảnh bà L nên ông M đã tự nguyện chỉ yêu cầu bà L trả nợ thành 03 lần mỗi lần 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà L đồng ý nhưng sau đó vẫn không thực hiện đúng cam kết.

Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Phương L trả nợ gốc 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) còn lại và tính lãi 20%/năm từ ngày 01/12/2022 đến ngày 15/11/2023, số tiền lãi là 8.925.000 đồng. Yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả tại giai đoạn thi hành án từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đến khi trả hết nợ.

Bị đơn Nguyễn Thị Phương L thừa nhận có vay của ông Võ Văn M số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bị đơn thừa nhận có giao kết với nguyên đơn bằng Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018, công chứng số 2687, quyền số 09/2018/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Tây Nam. Nhưng sau đó không có tiền đóng lãi đầy đủ thì ông M có ủy quyền cho người khác đến nhà đòi nợ. Sau đó ông M yêu cầu ký nhận tiền nợ lãi vào mặt sau bản photocopy của Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018. Cụ thể là:

- Ngày 21/11/2018 vay thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Ngày 21/01/2019 vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
- Ngày 06/10/2019 vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tổng cộng 40.000.000 đồng này là tiền nợ lãi. Bị đơn cũng thừa nhận tới khoảng tháng 11/2022 bà đã trả cho ông Võ Văn M số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Nay bà chỉ đồng ý trả nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng trên nợ gốc tính từ thời điểm vay tiền đến nay. Bị đơn không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi đã đóng.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đòi bà Nguyễn Thị Phương L trả nợ gốc 51.000.000 đồng, tiền lãi theo qui định của

pháp luật tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 01/12/2022 đến ngày xét xử 12/12/2023 và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Tự nguyện trả lại bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/07/2012 được ký giữa bà Nguyễn Lê Thủy Tiên và Nguyễn Thị Phương L (không có công chứng) sau khi bị đơn trả hết nợ.

Bị đơn Nguyễn Thị Phương L chỉ chấp nhận trả nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng 30.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Bị đơn không có chứng cứ để cung cấp nên không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi đã đóng.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của phía nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018, công chứng số 2687, quyền số 09/2018/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Tây Nam bản gốc (BL 9-10) thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và các biên nhận viết tay nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thỏa thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về số nợ gốc: nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định bà Nguyễn Thị Phương L có vay của ông Võ Văn M số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018, công chứng số 2687, quyền số 09/2018/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Tây Nam (bản gốc – BL 9-10). Để bảo đảm khoản tiền vay này Bà L có thể chấp cho ông M bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/07/2012 được ký giữa bà Nguyễn Lê Thủy Tiên và Nguyễn Thị Phương L (không có công chứng). Nên có cơ sở xác định Nguyễn Thị Phương L có vay của ông Võ Văn M số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018.

[3] Ngoài ra nguyên đơn trình bày bị đơn có vay thêm 3 lần có viết biên nhận riêng mỗi lần, cụ thể:

- Ngày 21/11/2018 vay thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Ngày 21/01/2019 vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
- Ngày 06/10/2019 vay thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tổng cộng 03 lần vay thêm là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Tại Biên bản hòa giải ngày 15/11/2023 (BL 39-40) và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cùng ngày 15/11/2023

(BL 37-38), cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L cũng thừa nhận có ghi nội dung và ký nhận vay thêm 3 lần tổng cộng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bị đơn trình bày đây là tiền nợ lãi của khoản vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018. Nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh. Ngược lại, nguyên đơn không thừa nhận là nợ lãi mà cho rằng là nợ vay thêm và cung cấp được các biên nhận gốc của 03 lần vay thêm có chữ ký xác nhận của bị đơn (BL 5-6). Căn cứ biên nhận gốc của 03 lần vay thêm vào các ngày 21/11/2018, ngày 21/01/2019 và ngày 06/10/2019 có chữ ký xác nhận của bị đơn (BL 5-6), có cơ sở xác định tổng số tiền mà bị đơn đã vay của nguyên đơn 20.000.000 đồng + 40.000.000 đồng = 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Cả hai bên đều thống nhất xác định bị đơn có thanh toán được số nợ gốc là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn Nguyễn Thị Phương L phải trả số nợ gốc cho nguyên đơn Võ Văn M là 60.000.000 đồng - 9.000.000 đồng = **51.000.000 đồng** (Năm mươi một triệu đồng).

[4] Về lãi suất: nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và yêu cầu bị đơn trả lãi suất 20%/năm. Bị đơn thì cho rằng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng. Nhưng theo Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018, công chứng số 2687, quyền số 09/2018/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Tây Nam (bản gốc – BL 9-10) chỉ thể hiện số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất do hai bên thỏa thuận theo qui định pháp luật chứ không xác định rõ mức lãi suất cụ thể. Nên xem đây là trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự đối với khoản vay 20.000.000 đồng. Riêng khoản vay thêm 40.000.000 đồng thì không có thỏa thuận thời hạn trả nên là trường hợp vay không kỳ hạn và có lãi theo Điều 463, 469 của Bộ luật dân sự. Trường hợp không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất theo qui định là 50%(20%/năm) tức **0,83%/tháng**.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả các khoản lãi bao gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn, Lãi trên nợ lãi trong hạn và Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trên nợ gốc từ ngày 01/12/2022 và bị đơn không yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi đã đóng nên HĐXX chỉ xem xét tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 01/12/2022 đến ngày xét xử 12/12/2023 là **12 tháng 11 ngày**. Nên tiền lãi được tính cụ thể như sau: 51.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 150% x 12 tháng 11 ngày = **7.852.215 đồng** (Bảy triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng).

[5] Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn Nguyễn Thị Phương L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Võ Văn M tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 51.000.000 đồng + 7.852.215 đồng = **58.852.215 đồng** (Năm mươi tám triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng).

Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn M về việc trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương L bản gốc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/07/2012 được ký giữa bà Nguyễn Lê Thủy Tiên và Nguyễn Thị Phương L (không có công chứng), sau khi bị đơn thanh toán hết nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn Nguyễn Thị Phương L phải chịu toàn bộ án phí là 5% (58.852.215 đồng) = 2.942.610 đồng (Hai triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm mười đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của ông **Võ Văn M**. Buộc bà **Nguyễn Thị Phương L** có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn M số nợ gốc **51.000.000 đồng** (Năm mươi một triệu đồng) và nợ lãi **7.852.215 đồng** (Bảy triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng), tổng cộng là **58.852.215 đồng** (Năm mươi tám triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn M về việc trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương L bản gốc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/07/2012 được ký giữa bà Nguyễn Lê Thủy Tiên và Nguyễn Thị Phương L (không có công chứng), sau khi bị đơn thanh toán hết nợ.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn **Nguyễn Thị Phương L** phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là **2.942.610 đồng** (Hai triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm mười đồng).

- Nguyên đơn **Võ Văn M** là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

